

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 59/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 07-6-2024

V/v: Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Hồng

Ông Nguyễn Tất Thế

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Bảo Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024 về việc “tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2024/QĐST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị L, sinh ngày 20/8/1993; Nơi cư trú: Thị trấn T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Lê Hồng S, sinh ngày 15/5/1993; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh (Hiện đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc) (Có ý kiến xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Hồng S và chị Phan Thị L đăng ký kết hôn vào ngày 01/8/2017 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, đúng pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian cùng bố mẹ anh S tại xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Đến năm 2019, anh S xuất cảnh sang Hàn Quốc để làm việc. Trong thời gian đầu chồng đi nước ngoài thì vợ chồng vẫn duy trì liên lạc, đến cuối năm

2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh S có quan hệ tình cảm nam nữ với người phụ nữ khác. Khi chị L phát hiện được sự việc, anh S đã thừa nhận với chị và gia đình, chị L đưa con về nhà ngoại sinh sống. Đến năm 2020, chị L đi lao động tại Đài Loan, cắt đứt liên lạc với anh S. Năm 2024, anh S chủ động liên lạc với chị L để thống nhất việc ly hôn. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình trạng hôn nhân của vợ chồng không thể dung hòa, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị Phan Thị L đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Lê Hồng S.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có một con chung là cháu Lê Gia B, sinh ngày: 15/4/2018. Chị L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và không yêu cầu anh S cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện nay, chị đang lao động tại nước ngoài nên có nguyện vọng nhờ mẹ đẻ của chị là bà Đặng Thị S1 hỗ trợ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Gia B đến khi chị có điều kiện trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phan Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Phan Thị L đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xét xử vắng mặt chị.

Quá trình giải quyết vụ án, tại đơn trình bày ý kiến ngày 27/02/2024 của anh Lê Hồng S và Tòa án đã tiến hành làm việc với anh Lê Hồng S thông qua cuộc gọi video có hình ảnh với tài khoản Zalo của anh Lê Hồng S (do bà Thái Thị N là mẹ của anh Lê Hồng S cung cấp thông tin) tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh. Bị đơn anh Lê Hồng S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: anh Lê Hồng S thống nhất về nội dung trình bày của chị Phan Thị L về việc kết hôn, quá trình chung sống và phát sinh mâu thuẫn. anh S đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị L, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh S và chị L được ly hôn.

- Về con chung: vợ chồng có một con chung là cháu Lê Gia B, sinh ngày: 15/4/2018. Khi ly hôn, anh S đồng ý để chị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu. Anh S tự thỏa thuận với chị L về vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: anh Lê Hồng S xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay anh S không thể về Việt Nam giải quyết ly hôn, nên anh xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết và ủy quyền cho mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị X giao nhận các tài liệu thay anh. Quá trình làm việc, bà Nguyễn Thị X đồng ý chấp nhận việc ủy quyền giao nhận tài liệu của anh Lê Hồng S, cam kết sẽ thông báo lại kịp thời nội dung các tài liệu, văn bản của Tòa án để anh S được biết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung

vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau và đề nghị Tòa án áp dụng:

Điều 29, Điều 37, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị L. Xử cho chị Phan Thị L được ly hôn với anh Lê Hồng S.

Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Gia B, sinh ngày: 15/4/2018 cho chị Phan Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Anh Lê Hồng S được quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được phép cản trở, anh S không phải đóng tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung, tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Buộc chị L phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự và đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Anh Lê Hồng S và chị Phan Thị L đăng ký kết hôn vào ngày 01/8/2017 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Nay chị Phan Thị L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Lê Hồng S. Tại công văn cung cấp thông tin danh sách khách xuất nhập cảnh của Cục Q - Bộ C, xác nhận: anh Lê Hồng S, sinh ngày 15/5/1993; hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh đã xuất cảnh lần gần đây nhất vào ngày 25/02/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Theo thông tin anh S cung cấp, hiện anh đang lao động tại Hàn Quốc, hiện nay đang sinh sống tại: 206ho, 102dong, Myeongseongbilliji-1cha, 87, Changjin-ro, Y-si, G-do, Hàn Quốc. Tại thời điểm thụ lý vụ án, anh S đang ở nước ngoài, do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. *Về thủ tục tố tụng:* Do điều kiện công việc, anh S đề nghị được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng cho anh thông qua bà Nguyễn Thị X. Bà Xanh đồng ý nhận văn bản và cam kết thông báo kịp thời, đầy đủ cho anh S biết. Nguyên đơn chị Phan Thị L có yêu cầu được xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án mở phiên tòa xét xử vắng mặt anh S, chị L theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Lê Hồng S và chị Phan Thị L tự do tìm hiểu, kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào ngày 01/8/2017 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, được Ủy ban nhân dân xã C cấp giấy chứng nhận

kết hôn. Căn cứ quy định tại Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình, hôn nhân của anh S và chị L là hợp pháp. Đến năm 2019, anh S đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Trong thời gian chồng đi nước ngoài thì vợ chồng vẫn duy trì liên lạc nhưng không nhiều, do khoảng cách và chị L nghi ngờ anh S có quan hệ tình cảm với người khác nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Hai vợ chồng mỗi người một nơi, không thể quan tâm, chăm sóc nhau, ít liên lạc dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Nay hai bên đã cắt đứt liên lạc, chị L nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình trạng hôn nhân của vợ chồng không thể dung hòa, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn với anh Lê Hồng S. Anh S xác nhận những nội dung về thời gian kết hôn, vợ chồng có mâu thuẫn là đúng và thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn nữa nên việc chị L xin ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Xét thấy mâu thuẫn giữa anh S và chị L là có xảy ra trên thực tế và đã trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm, trách nhiệm gì đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị L yêu cầu ly hôn là có căn cứ và phù hợp. Do đó, căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị L, cho anh S và chị L ly hôn.

[2.2] *Về con chung*: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có một con chung là cháu Lê Gia B, sinh ngày: 15/4/2018. Cả anh S và chị L đều thống nhất giao cháu Lê Gia B cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và anh S không phải cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận nuôi con chung của hai bên, giao con chung cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình. Anh S không cần cấp dưỡng nuôi con chung, anh S có quyền đi lại thăm nom con chung không được ai ngăn cản. Trong thời gian làm ăn xa, chị L có nguyện vọng nhờ bà Đặng Thị S1 tiếp tục hỗ trợ chăm sóc cháu Lê Gia B đến khi chị về nước, bà Đặng Thị S1 đồng ý tiếp tục chăm sóc cháu Lê Gia B đến khi chị L có đủ điều kiện trực tiếp nuôi con.

[2.3]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. *Về án phí và quyền kháng cáo*: Chị Phan Thị L tự nguyện chị án phí ly hôn sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 107, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 28, 37, 39, 227, 271, 273, 464, 469, khoản 2 Điều 479, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án, Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phan Thị L. Cho chị Phan Thị L và anh Lê Hồng S ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung Lê Gia B, sinh ngày: 15/4/2018 cho chị Phan Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh S có quyền đi lại thăm nom con chung không được ai cản trở. Trong thời gian chị L làm ăn xa, bà Đặng Thị S1 tiếp tục chăm sóc cháu Lê Gia B đến khi chị L có đủ điều kiện trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: **Buộc chị Phan Thị L** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000802 ngày 29/02/2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn Hồng

Nguyễn Tất Thế

Trần Thị Thu Hiền

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã Cẩm Nhượng, huyện Cẩm Xuyên, Tỉnh Hà Tĩnh;
- Đương sự;
- Lưu HS, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thu Hiền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Sỹ Quân

Trần Đăng Ninh

Nguyễn Hà Ngân

